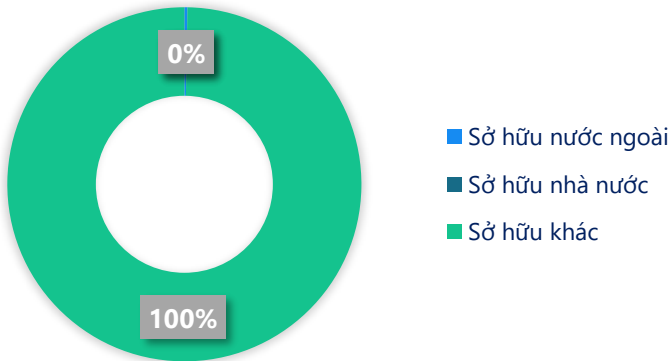


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,100
SL cổ phiếu LH		2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		195
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		26
P/E		9.2
EPS		1,406

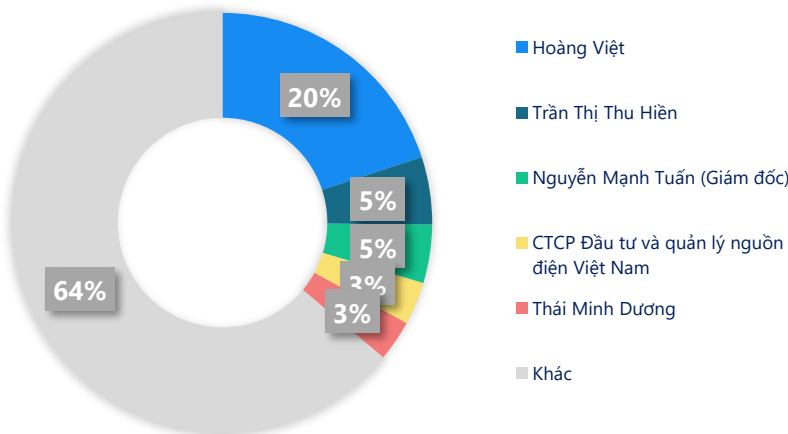
	YTD	1T	3T	6T
PPE	0.8%	20.4%	-9.1%	18.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu sở hữu



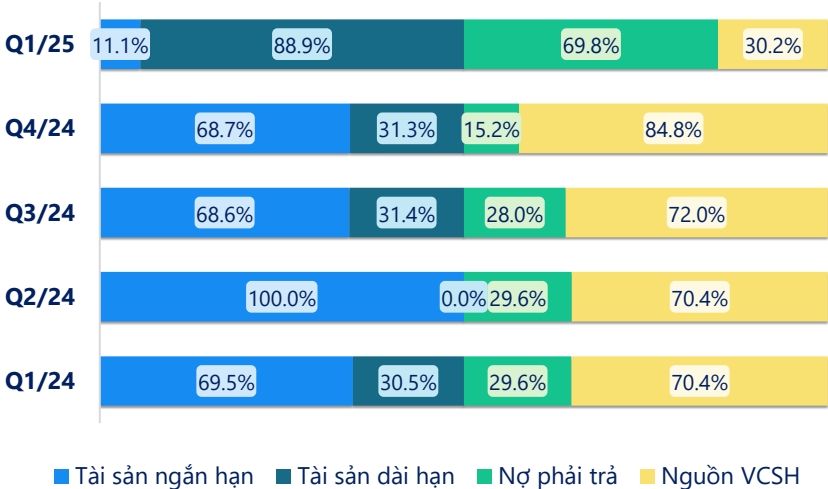
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



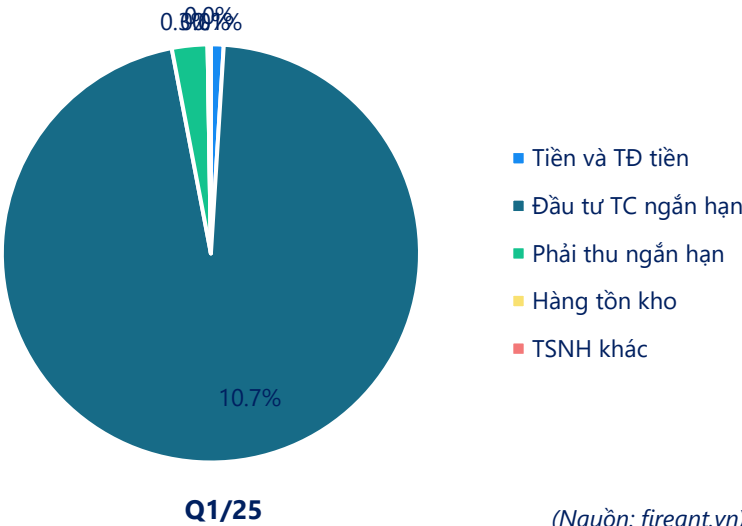
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



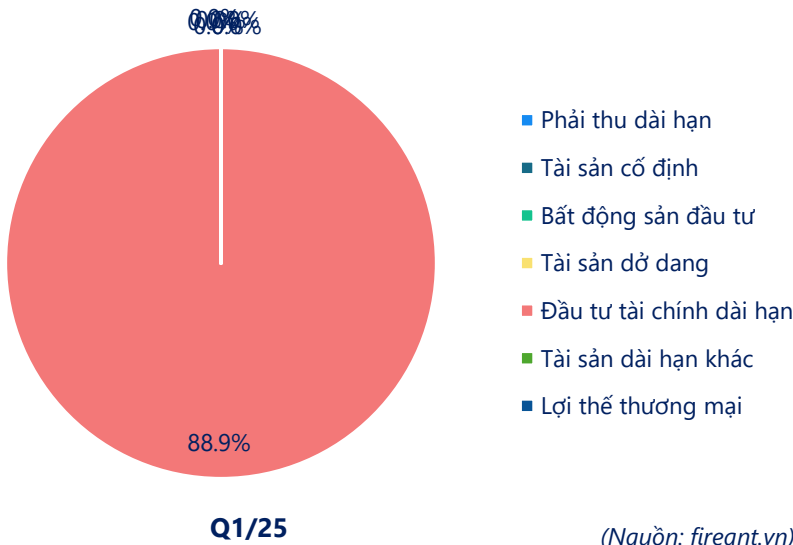
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

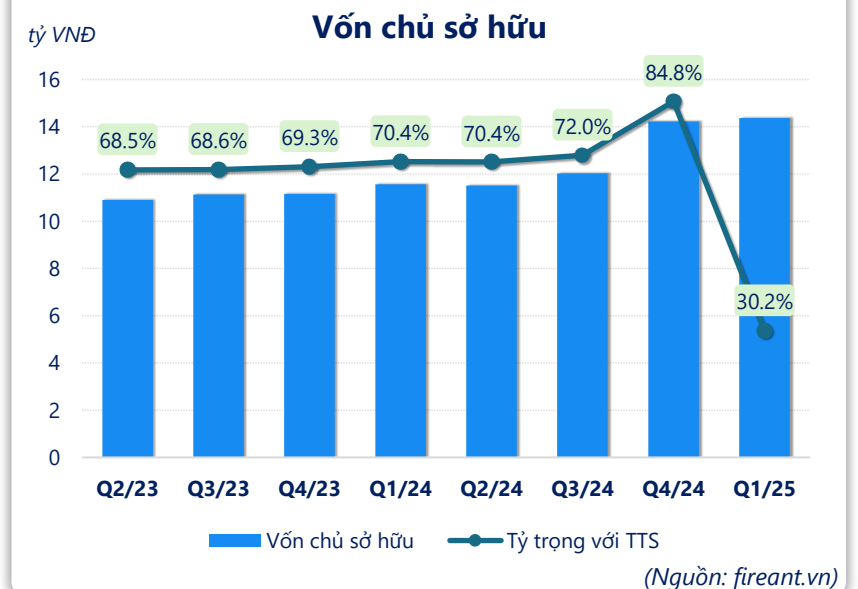
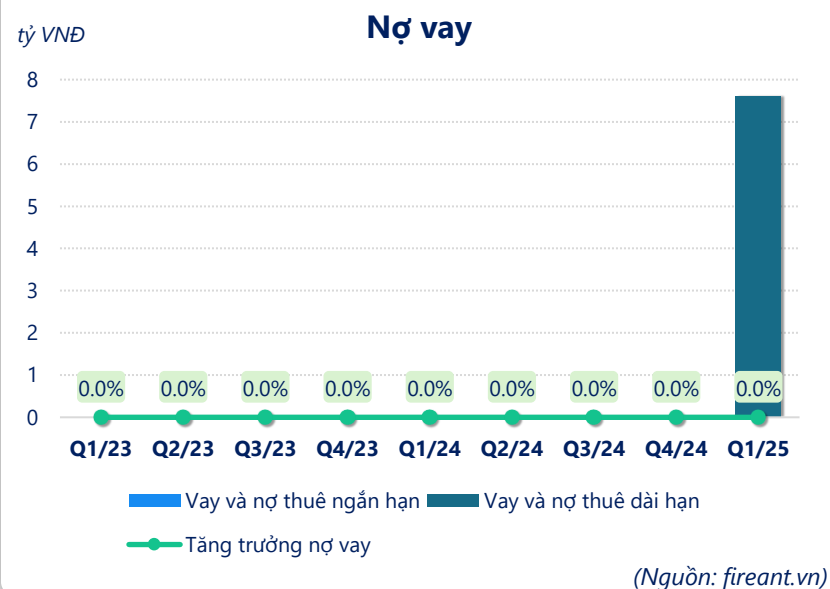
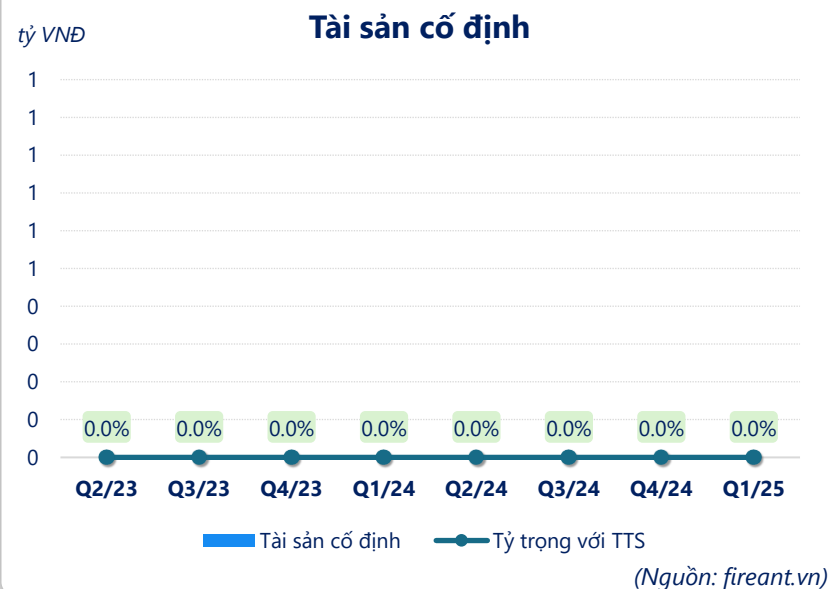
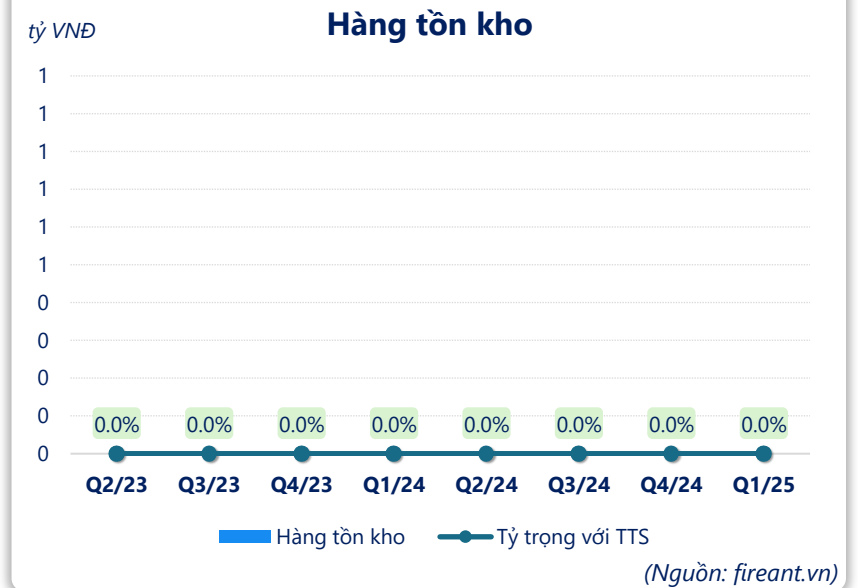
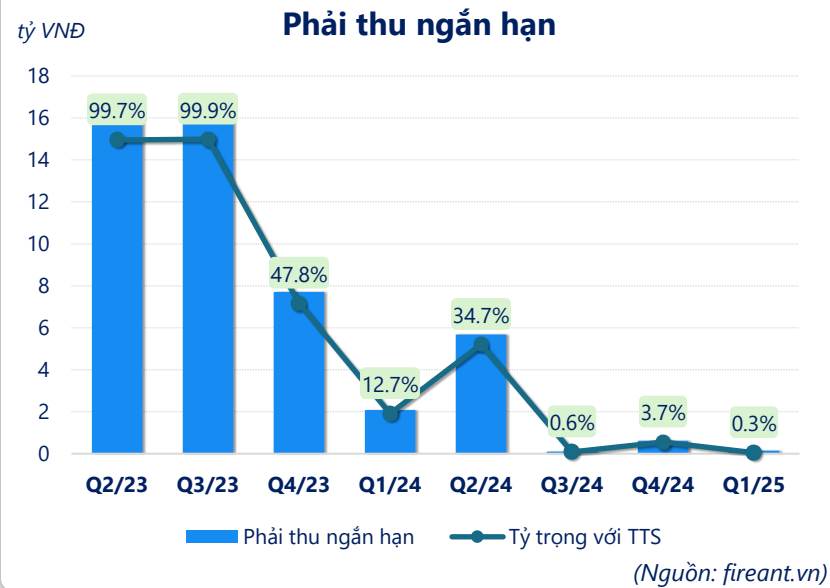
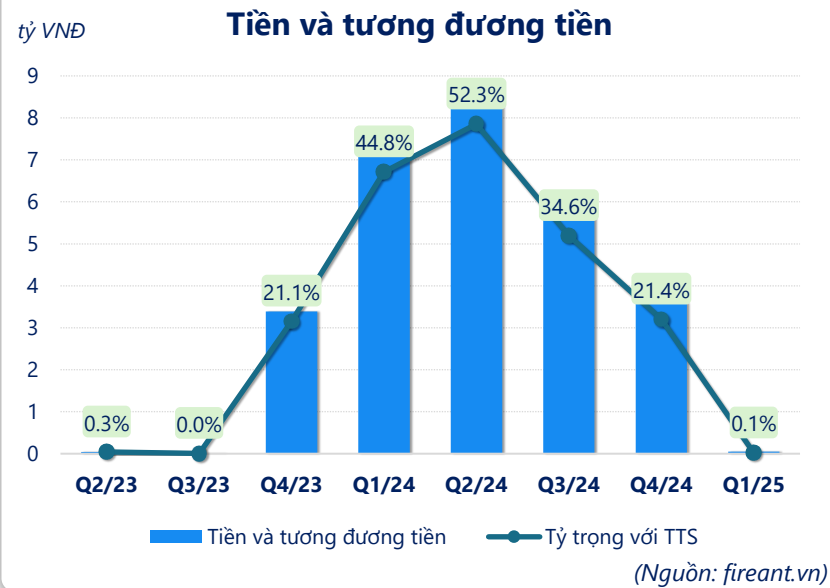


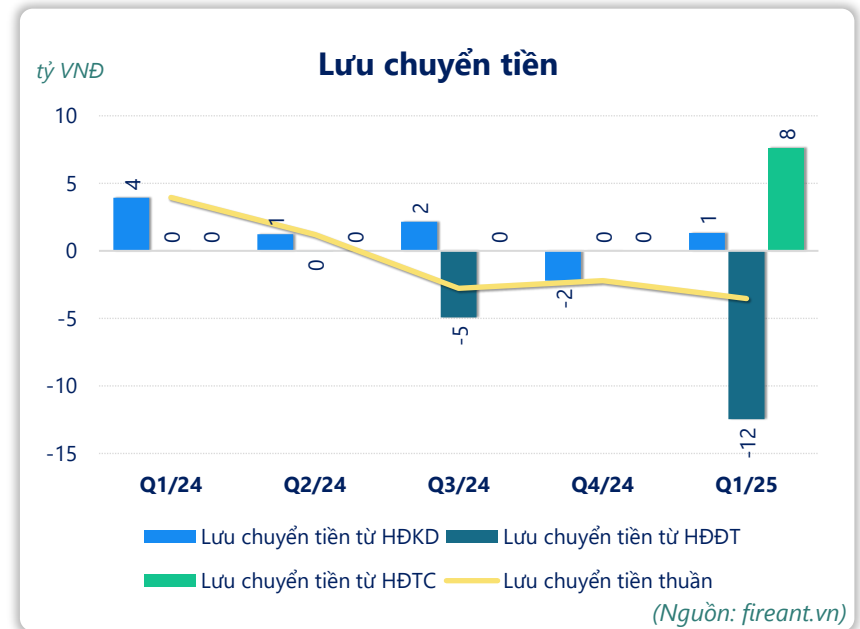
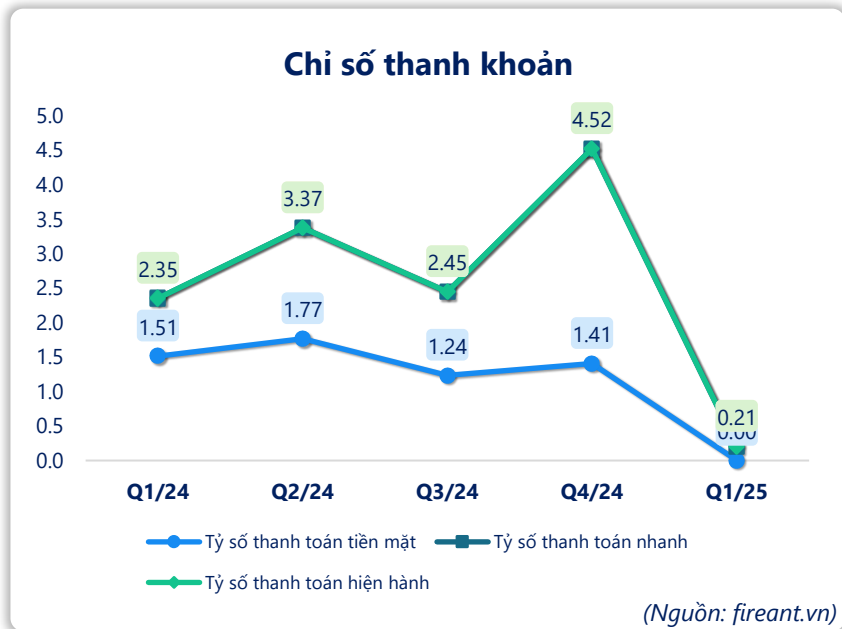
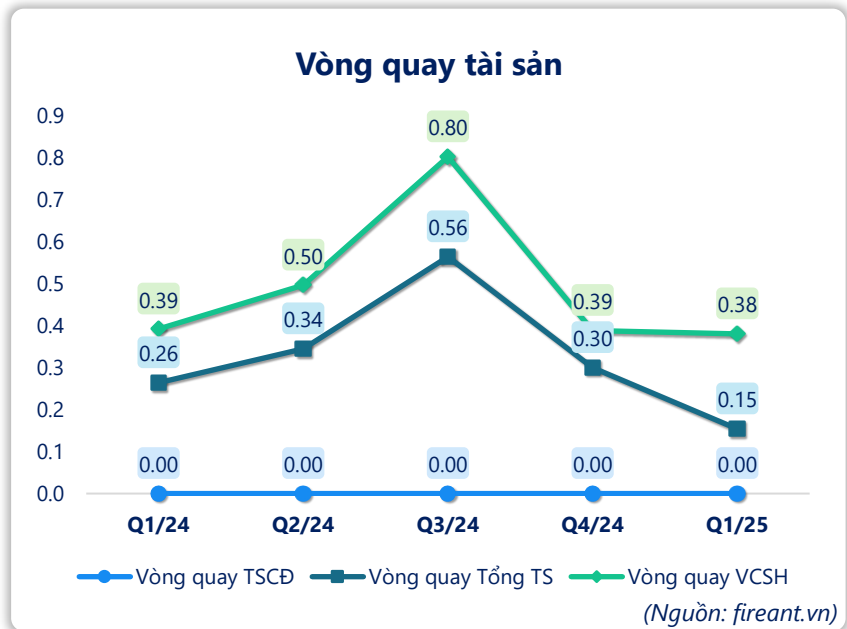
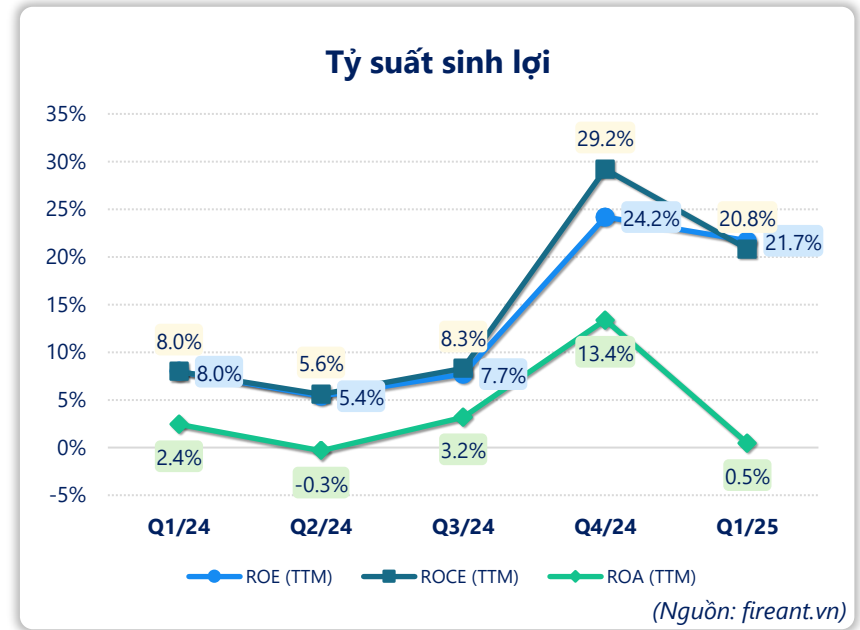
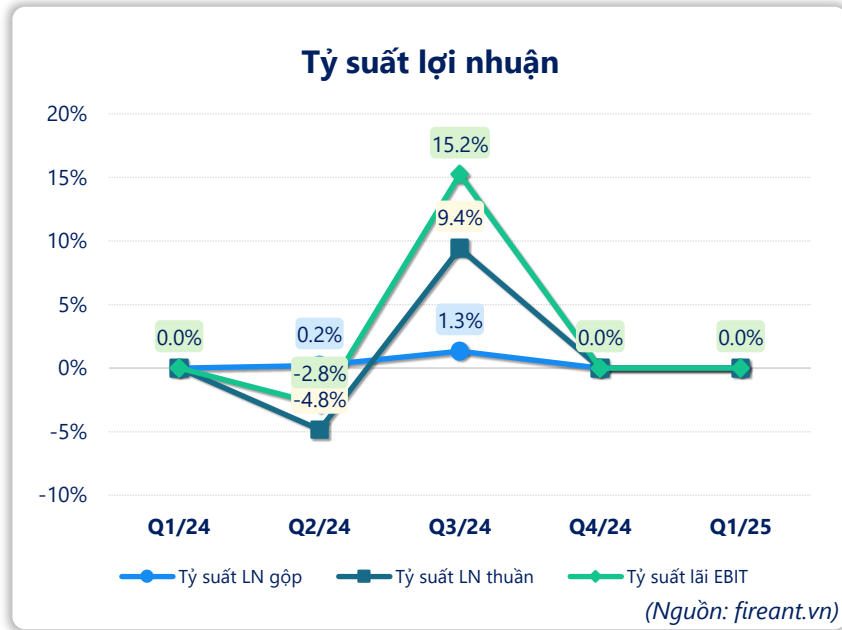
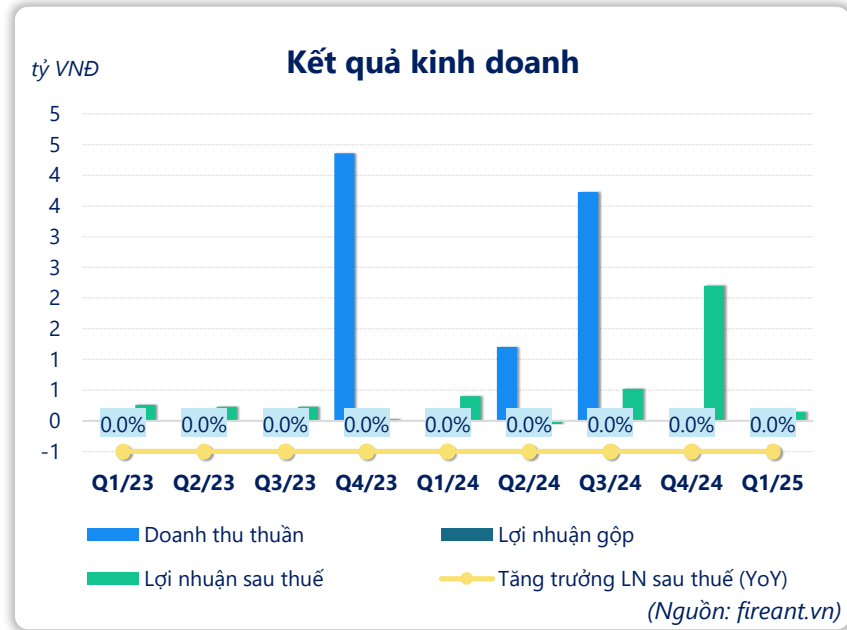
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	47.7	16.8	184%
Tài sản ngắn hạn	5.30	11.5	-54.0%
Tiền và tương đương tiền	0.05	3.58	-98.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.09	7.30	-30.3%
Phải thu ngắn hạn	0.15	0.62	-76.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.02	-26.6%
Tài sản dài hạn	42.4	5.25	707%
Phải thu dài hạn	0	5.25	-100%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	42.4	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	33.3	2.55	1206%
Nợ ngắn hạn	25.7	2.55	907%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	7.61	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	7.60	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	14.4	14.2	1.0%
Vốn chủ sở hữu	14.4	14.2	1.0%
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0	1.21	3.73	0	0
Giá vốn hàng bán	0	1.20	3.68	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0.00	0.05	0	0
Doanh thu HĐTC	0.57	0.21	0.63	0.25	0.28
Chi phí TC	0.01	0.19	0.12	0.37	0.02
Chi phí lãi vay	0.00	0.02	0.03	0.02	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.16	0.08	0.21	0.17	0.08
LN thuần từ HĐKD	0.40	-0.06	0.35	-0.29	0.18
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.19	3.04	0
LN trước thuế	0.40	-0.05	0.54	2.75	0.18
Lợi nhuận sau thuế	0.40	-0.05	0.52	2.20	0.14
LNST của CĐ cty mẹ	0.40	-0.05	0.52	2.20	0.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.92	1.22	2.16	-2.21	1.33
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	-0.01	-4.94	0.01	-12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	7.60
Tiền đầu kỳ	3.39	7.34	8.56	5.78	3.58
Lưu chuyển tiền thuần	3.95	1.22	-2.78	-2.20	-3.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.34	8.56	5.78	3.58	0.05

(Nguồn: fireant.vn)